

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 24/06/2021.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa**. Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 07/2021/TB-TAH ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Kim A**, sinh năm 1972. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Kim A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T tự tìm hiểu quen biết nhau, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Chị và anh

T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã V, huyện V (nay là huyện U Minh Thượng), tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 1104, ngày 15/11/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc cho đến gần đây giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, trong gia đình mỗi người đều có lý lẽ riêng, không ai chịu lắng nghe ý kiến của ai làm cho gia đình không còn hạnh phúc nên chị và anh T đã ly thân với gần 01 năm nay. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 01 người con tên Trần Thị M L, sinh năm 1994, hiện đã trưởng thành và lập gia đình, có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị A giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh T; về con chung đã trưởng thành; về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trương Thị Kim A và anh Trần Thanh T được ly hôn với nhau.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đề nghị ghi nhận ý kiến trình bày của Chị A là không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Thanh T.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Kim A và anh Trần Thanh T kết hôn năm 2002, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V (nay là huyện U Minh Thượng), tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/11/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, theo chị A trình bày thì trong thời gian vợ chồng chung sống giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn với nhau do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống làm cho gia đình không còn hạnh phúc nên chị A và anh T đã ly thân với nhau gần 01 năm nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Qua xác minh, biết được khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị A có làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo áp giải quyết và được động viên vợ chồng khắc phục những mâu thuẫn để tiếp tục chung sống nhưng không được bao lâu thì mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra, từ đó anh T bỏ đi cho đến nay, bản thân anh T không về thăm gia đình thể hiện sự quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Tại phiên tòa hôm nay thì chị A kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A xử cho chị A và anh T ly hôn với nhau là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị A xác định là vợ chồng có 01 người con tên Trần Thị M L, sinh năm 1994, đã trưởng thành và cuộc sống riêng và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A trình bày vợ chồng chung sống không có tài sản và nợ chung, nên không yêu cầu xem xét giải quyết, anh T cũng không có ý kiến về việc này nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị A không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Kim A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0004197 ngày 31/08/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Kim A được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Ghi nhận ý kiến trình bày của chị A là vợ chồng có 01 người con chung tên Trần Thị M L, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của chị A là vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm vụ án : Chị Trương Thị Kim A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0004197 ngày 31/08/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị A đã nộp đủ tiền án phí vụ án.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Trương Thị Kim A báo cho chị A biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/6/2021). Đối với anh Trần Thanh T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã Vĩnh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh